

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 464/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thu H - Sinh năm 1983;

- **Bị đơn:** Anh Hán Hoài N - Sinh năm 1983;

Đều đăng ký HKTT: Tổ 19, khu 7, phường TM, thành phố VT, tỉnh PT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Hán Hoài N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Chị H và anh N thỏa thuận như sau:

Chị Bùi Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Hán Nhật Khánh V, sinh ngày 26/6/2012 và cháu Hán Nhật Khánh C, sinh ngày 22/8/2016. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Hán Hoài N đề nghị Tòa án ghi nhận về việc tự thỏa thuận chia tài sản theo Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, tại Văn phòng Công chứng Kim Đức, thành phố VT, tỉnh PT, ngày 01/3/2022, cụ thể như sau:

- Anh Hán Hoài N được quyền sử dụng và định đoạt tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 161m², tại thửa số 374, tờ bản đồ số 2, ở tại khu 7, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh PT; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV103567 do UBND huyện Tam Nông, tỉnh PT cấp ngày 02/12/2020, mang tên chị Bùi Thị Thu H, anh Hán Hoài N.

- Chị Bùi Thị Thu H được quyền sử dụng và định đoạt tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 72m², tại thửa số 429, tờ bản đồ số 48, ở tại khu 7, phường TM, thành phố VT, tỉnh PT; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL907679 do UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 02/01/2018, mang tên chị Bùi Thị Thu H.

Chị Bùi Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Hán Hoài N số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), phương thức thanh toán như sau:

- Lần 1: Chị Bùi Thị Thu H thanh toán cho anh Hán Hoài N số tiền 250.000.000 đồng, ngay sau khi hai bên ký và công chứng xong văn bản này;

- Lần 2: Chị Bùi Thị Thu H thanh toán cho anh Hán Hoài N số tiền 250.000.000 đồng, ngay sau khi hai bên nhận được Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án.

* Về công nợ và công sức: Chị Bùi Thị Thu H và anh Hán Hoài N không đề nghị giải quyết.

* Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Bùi Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí; theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009877 ngày 10/12/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT (Biên lai thu tiền do anh Đinh Hà Quang nộp thay). Trả lại cho chị H 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.VT, tỉnh PT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- UBND phường TM, TP VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bình Luyện